

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2024/HNGĐ - ST
Ngày: 08 - 01 - 2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện
2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn với người mất tích ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn A Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt

- Bị đơn: Anh Trần Danh L, sinh năm 1988, Nơi ĐKKHKT: thôn A Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Là người bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 56/2023/QĐDS-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Trần Danh L** kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** vào ngày 06/01/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được gần 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Đến tháng 01/2020, anh **L** bỏ đi khỏi địa phương không có tin tức gì, chị **N** đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì. Chị **N** có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân giải quyết tuyên bố anh **Trần Danh L** là người mất tích. Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã đăng tin tìm kiếm anh **Trần Danh L** trên **B** và trên Đài tiếng nói Việt Nam theo quy định, nhưng vẫn không có tin tức gì về anh **L**. Ngày 29/8/2023, Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã giải quyết, tuyên bố anh **Trần Danh L** mất tích. Đến nay vẫn không có tin tức xác thực về anh **L**, nên chị **N** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **L**.

Về con chung: chị **N** xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu **Trần Thị Thảo U**, sinh ngày 10/02/2012 và cháu **Trần Danh Trung K**, sinh ngày 10/5/2017. Lúc đi anh **L** mang theo hai con đi cùng nên giờ chị không biết các con đang ở đâu. Chị không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: chị **N** xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh **Trần Danh L** là người đã bị tuyên bố mất tích; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nhưng không có tin tức gì về anh **L** và đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn là người đã bị tuyên bố mất tích, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: xử cho chị **Nguyễn Thị N** được ly hôn với anh **Trần Danh L**; Về con chung: không xem xét; Về tài sản và công nợ: không xem xét; Về án phí: buộc chị **Nguyễn Thị N** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị N khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Trần Danh L, có hộ khẩu thường trú tại: thôn A Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Bị đơn là anh Trần Danh L đã bị Tòa án tuyên bố là người mất tích. Quá trình giải quyết vụ án, không có tin tức xác thực về anh L; Căn cứ vào Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N và anh Trần Danh L tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/01/2012, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình; nên từ tháng 01 năm 2020 anh L đã bỏ nhà đi biệt tích, chị N có làm đơn đề nghị và tại Quyết định số 56/2023/QĐDS-ST ngày 29/8/2023 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã tuyên bố anh Trần Danh L là người mất tích; đến nay vẫn không có tin tức xác thực về anh L đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Nay chị N có đơn yêu cầu giải quyết xin được ly hôn với anh L. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”, nên chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Danh L.

[3] Về con chung: chị Nguyễn Thị N và anh Trần Danh L có 02 (hai) con chung là cháu Trần Thị Thảo U, sinh ngày 10/02/2012 và cháu Trần Danh Trung K, sinh ngày 10/5/2017. Lúc đi anh L mang theo hai con đi cùng nên giờ chị không biết các con đang ở đâu. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

[4] Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về phần tài sản và công nợ: chị N xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; trong khi anh L là người mất tích, không có lời khai trong hồ sơ. Do đó không xem xét.

[6] Về án phí: chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị **Nguyễn Thị N** được ly hôn với anh **Trần Danh L**.

2. *Về con chung*: Không xem xét.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị **Nguyễn Thị N** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị **N** đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0016203 ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị **Nguyễn Thị N** đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Hồng Đức

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

N1

